

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2017/HC-ST**
Ngày: 25/10/2017
V/v khiếu kiện: Quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Tất Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Vũ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017 tại Hội trường B-Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2017/TLST-HC ngày 27 tháng 02 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Quyết định 2575 ngày 25/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện N” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2017/QĐST-HC ngày 25/9/2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Mai Văn L, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 486/71, tổ 13, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quản Đức N, sinh năm: 1955 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2015).

Địa chỉ: 69A-đường số 4-khu phố 3-phường L-Quận T-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính huyện N, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ông Mai Quốc L**, sinh năm: 1948.

2. **Bà Trương T**, sinh năm: 1949.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm: **Bà Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm: 1963 (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2016).

Địa chỉ: 381, tổ 14, ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. **Bà Mai Thị N**, sinh năm: 1962.

4. **Bà Mai Thị Đ**, sinh năm: 1965.

5. **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1938.

6. **Bà Mai Thị L**, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N, bà L, bà N có mặt ; UBND huyện N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Trương T, bà Mai Thị Đ bà Nguyễn Thị L, bà Mai Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Người khởi kiện ông Mai Văn L ủy quyền cho ông Quản Đức N có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về nguồn gốc diện tích 969m² thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nằm tiếp giáp với diện tích đất 11.011m² mà gia đình ông L đại diện là mẹ ông L là bà Nguyễn Thị L đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/1999 là của ông nội khai phá và để lại cho ba mẹ ông. Gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Đến năm 2008 Nhà nước có chủ trương cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông được bà L cho đăng ký kê khai đối với diện tích đất trên tên ông L đã làm hồ sơ đăng ký kê khai đối với diện tích đất trên nên ông L đã nộp hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Biên nhận số 2252 ngày 22/9/2008). Nhưng ông L thấy UBND huyện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất 11.011m² cho cha mẹ ông mà không cấp cho ông nên ông L đã nhiều lần đến UBND huyện thắc mắc nhưng không được trả lời.

Trên phần đất 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, ông L có trồng cây tràm từ năm 1975 nhưng đến khoảng năm 2010, vợ chồng ông L, bà T đã cưa hết tràm của ông L. Khi xảy ra sự việc, ông L có báo với UBND xã P nhưng chỉ trình báo bằng miệng nên không được giải quyết. UBND xã có cho ông biết 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai đã được cấp giấy cho ông Mai Quốc L. Sau khi ông Lâm cưa hết tràm, ông L san lấp mặt bằng và trồng cây tràm con đến nay được khoảng 03 năm tuổi. Trước đây, đất không có hàng

ranh nhưng đến năm 2008 ông L rào bằng trụ xi măng nhưng ông L, bà T đã nhổ trụ đem bỏ. Đất đang tranh chấp là của ông quản lý từ năm 1975. Đó là đất hầm hố. Ông chính là người thuê người san lấp mặt bằng và có người làm chứng.

Trước năm 2008, giữa ông L và ông L tranh chấp quyền sử dụng đất, UBND huyện Nh thụ lý giải quyết. Ngày 25/7/2008, UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông L và công nhận đất cho ông L. Ngày sau đó, ông L đã có đơn gửi tất cả các cơ quan và khiếu nại tiếp theo tại UBND tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay, UBND tỉnh Đồng Nai chưa giải quyết khiếu nại. Trong quá trình đang tranh chấp, tháng 12/2009, UBND huyện N lại cấp giấy chứng nhận cho ông L.

Tháng 12/2014, ông Lộc mới biết đất này đã được cấp cho ông Mai Quốc L nên ông đã khởi kiện tranh chấp án hành chính tại tòa.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L và bà Trương T.

Ngày 09/01/2017, ông Mai Văn L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và được Tòa án thụ lý.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện:

UBND huyện N có nhận được đơn tranh chấp đất diện tích 859m² thuộc 04 thửa: Thửa 309b (306m²) thửa 309c (242m²), thửa 333c (224m²), thửa 335b (33m²) thuộc tờ bản đồ số 12 cũ nay là thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai giữa ông Mai Quốc L và ông Mai Văn L.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính (sổ mục kê lập năm 1998) xác định ông Mai Quốc L đang ký kê khai thửa 309 có diện tích 872m² và thửa đất 333 có diện tích 257m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bà Nguyễn Thị L đăng ký thửa đất 335 và được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp giữa hai bên không thống nhất được đường ranh và cây trồng trên đất, nhưng ông L xác nhận ông L có trồng tràm khoảng 300m² trên phần đất thuộc thửa đất 309 (360m² trên thửa 309b) và rào ranh bằng trụ xi măng và kẽm gai (ranh rào nằm trên thửa đất 335 ngăn cách giữa phần đất tranh chấp và phần đất ông L sử dụng), ngoài việc đăng ký được thể hiện tại mục kê các bên không cung cấp được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở đó, ngày 25/7/2008, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2575/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Mai Quốc L với ông Mai Văn L và bà Nguyễn Thị L với nội dung bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Mai Văn L đối với các thửa đất 333, 309 tờ bản đồ số 12 xã P; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L đối với thửa đất nêu trên. Ngày 04/8/2008, Thanh tra huyện đã công bố quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trên đến ông Mai Văn L. Thực hiện quyết

định giải quyết tranh chấp trên, UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L.

Riêng ông Mai Văn L, trong thời gian quy định của pháp luật để tiếp tục khiếu nại hoặc khởi kiện quyết định hành chính, ông L đã không thực hiện quyền khiếu nại hay khởi kiện đối với Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N.

Nhận thấy thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L đã quá 12 tháng. Vì vậy, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ông Mai Quốc L do bà Nguyễn Thị Kim L là người đại diện trình bày:

Nguồn gốc diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai trước đây là đất công thổ nhưng do người dân lân cận đó gánh đất về đắp nền. Từ đó đất công thổ trở thành đất hầm, hố. Đến năm 1976, gia đình về đó sống và san lấp diện tích đất hầm hố nêu trên. Ông L san lấp tới đâu thì trồng tầm vông và cây tràm tới đó. Trong quá trình sử dụng đất, ông L kê đi kê khai đăng ký và nộp thuế đầy đủ theo yêu cầu của Nhà nước. Việc đóng thuế có thể hiện trong mục sổ kê. Thời gian không nhớ, ông có được Nhà nước cấp sổ kê khai thu nộp thuế nông nghiệp (sổ vàng), hiện nay thời gian quá lâu. Ông đã làm thất lạc mất sổ nhưng ông cam kết sẽ về nhà kiểm và nộp bổ sung cho Tòa. Sau khi san lấp phần đất hầm hố nêu trên, ông trồng tầm vông. Sau đó, tiếp tục trồng tràm. Năm 2006, ông cưa tràm làm nhà, năm 2007 ông trồng lại tràm cho đến nay.

Năm 2007, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xuống đo đạc trực tiếp nên đã dẫn đến tranh chấp. Đến ngày 25/7/2008, UBND huyện Nhơn Trạch ban hành Quyết định 2575 giải quyết tranh chấp, theo đó bác đơn khiếu nại của ông L và công nhận đất cho ông. Đến ngày 08/12/2009, UBND huyện N cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L và bà Trương T, ông không đồng ý.

2/Bà Mai Thị Đ, Mai Thị L trình bày: Bà Đ, bà L không có ý kiến và không tranh chấp diện tích đất trên.

3/Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ của ông Mai Văn L. Về nguồn gốc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai là của ông bà cố để lại cho bà và chồng là ông Mai Văn C. Sau khi ông C chết, ông L đã chiếm đoạt. Trước đây, trên thửa đất này có trồng tràm và tre nhưng ông L đã chặt phá. Thửa đất này, bà đã cho ông L bằng miệng. Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản

đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L và bà Trương T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4/Bà Trương T trình bày: Bà là vợ của Mai Quốc L. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do ông L khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay, trên đất có trồng tràm bông vàng, có cắm cọc rào bằng trụ xi măng làm rõ ranh giới với các thửa đất liền kề. UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008, ngày 16/4/2009, ông L đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L và bà là đúng quy định. Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L và bà Trương T và yêu cầu hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008, bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Ngày 25/7/2008 UBND huyện N ra Quyết số 2575/QĐ-UBND giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Mai Quốc L và ông Mai Văn L đối với các thửa đất số 309b (360m²), thửa 309c (242m²) và thửa 33c (224m²) thuộc tờ bản đồ địa chính số 12 xã P. Theo đó, UBND huyện N công nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L đối với thửa đất nêu trên. Ngày 08/12/2009 UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P cho ông Mai Quốc L và bà Trương T. Việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của UBND huyện N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P cho ông Mai Quốc L và bà Trương T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ủy ban nhân dân huyện N, bà Mai Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Mai Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của UBND huyện N và việc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung khiếu kiện

Quyết định bị khởi kiện bị khiếu kiện là Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và việc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L.

2.1 Về hình thức: Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và việc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền do pháp luật quy định.

2.2 Về nội dung:

Về nguồn gốc diện tích 969m² thuộc thửa 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo ông Mai Văn L trình bày đã quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay. Đến năm 2008 Nhà nước có chủ trương cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L có đăng ký kê khai đối với diện tích đất nêu trên xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Biên nhận số 2252 ngày 22/9/2008). Nhưng UBND huyện không cấp cho ông L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L đã nhiều lần đến UBND huyện thắc mắc nhưng không được trả lời.

Trên phần đất 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai, ông L có trồng cây tràm từ năm 1975 nhưng đến khoảng năm 2010, vợ chồng ông Mai Quốc L, bà Trương T đã cưa hết tràm của ông. Khi xảy ra sự việc, ông L có báo với UBND xã P nhưng chỉ trình báo bằng miệng nên không được giải quyết.

Trước năm 2008, giữa ông L và ông L tranh chấp quyền sử dụng đất, UBND huyện N thụ lý giải quyết. Ngày 25/7/2008, UBND huyện N ban hành Quyết định 2575/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông L và công nhận đất cho ông L. Ngày sau đó, ông L đã có đơn gởi tất cả các cơ quan và khiếu nại tiếp theo tại UBND tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay, UBND tỉnh Đồng Nai chưa giải quyết khiếu nại. Trong quá trình đang tranh chấp, tháng 12/2009 UBND huyện N lại cấp giấy chứng nhận cho ông L.

Xét việc giải quyết tranh chấp diện tích đất 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai giữa ông L, bà L và ông L: Ngày 22/03/2008 ông Mai Quốc L có đơn khiếu nại lên UBND xã P, UBND huyện N, UBND tỉnh Đồng Nai xin giải quyết tranh chấp đất giữa hộ ông Mai Quốc L và hộ bà L. Ngày 24/04/2008 Thường trực Hội đồng nhân dân có buổi lấy ý kiến của nhân dân xung quanh khu vực có tranh chấp thì các ý kiến đều xác định ông Mai Quốc L có khai phần đất tranh chấp để trồng tràm, xung quanh trồng tre tầm vong làm ranh. Tràm của ông L có cây rất to (bán kính 50cm), ông L có khai thác một ít để làm gỗ cất nhà cho con, hiện trên đất còn gốc tràm và hàng tầm vong. Các ý kiến của các Đoàn thể - ban ngành đều thống nhất nhận định đây là phần đất đai của ông Mai Quốc L chiếm dụng đất gò từ trước tới giờ

và ông L phải được hưởng thành quả cũng như sự xác lập của nhà nước bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L (bút lục 152-154). Ngày 27/04/2008 UBND xã P có thông báo kết quả ghi nhận ý kiến của tổ Đại biểu – Các ngành đoàn thể và nhân dân xung quanh khu vực đất đang tranh chấp giữa hộ ông Mai Quốc L và hộ bà Nguyễn Thị L tổ 13, ấp B, xã P (bút lục 149).

Ngày 16/07/2008 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N có báo cáo số 359A/BC.TNMT thể hiện: Phần đất tranh chấp thuộc tờ bản đồ địa chính số 12 – xã P, gồm thửa số 309b (360m²), thửa 309c (242m²) và thửa số 333c (224m²). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất và chỉ ranh không rõ ràng nên UBND huyện không chấp nhận yêu cầu của ông L. Ngày 25/07/2008 UBND huyện N ra Quyết định số 2575/QĐ-UBND giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Mai Quốc L và ông Mai Văn L đối với các thửa đất số 309b (360m²), thửa 309c (242m²) và thửa 333c (224m²) thuộc tờ bản đồ địa chính số 12 xã P (Diện tích phần đất có tranh chấp là 826m²). Theo đó, UBND huyện N công nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L đối với các thửa đất nêu trên là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của UBND huyện Nhơn T. Ngày 25/07/2008 ông L nhận được quyết định trên, qua ngày hôm sau, đó ông tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh (bút lục 118), đến thời điểm khởi kiện, ông L vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Ngày 02/01/2017 ông L làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy quyết định nêu trên.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P mà UBND huyện N đã cấp cho ông Mai Quốc L và bà Trương T. Ngày 15/12/2014 ông L nhận được văn bản số 805/HĐND-VP ngày 27/11/2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thông báo cho ông L biết ông L và bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên (bút lục 94). Ngày 23/01/2015 ông L làm đơn khởi kiện là còn trong thời hạn khởi kiện quy định tại Điều 104 Luật tố tụng hành chính 2010.

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P đã được UBND huyện N cấp cho ông Mai Quốc L và bà Trương T ban hành theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 52 Luật đất đai 2003.

- Về trình tự thủ tục và nội dung:

Ngày 16/04/2009 ông Mai Quốc L có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 167) đối với thửa đất số 208 diện tích 969m² tờ bản đồ số 11 xã P, huyện N.

Ngày 05/11/2009 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N có phiếu thẩm tra số 05dl/VPĐK đối với thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 xã P, huyện N. Theo đó, xác định ông Mai Quốc L đang sử dụng diện tích đất trên và đã có Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Mai Quốc L và ông Mai Văn L của UBND huyện N công

nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L (bút lục 170). Đến thời điểm hiện tại, đã hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần 2 theo quy định tại Điều 43 của Luật sửa đổi bổ một số Điều của luật khiếu nại tố cáo năm 2005.

Căn cứ vào phiếu thẩm tra trên, ngày 07/12/2009 Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N có tờ trình đề nghị UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc L (bút lục 172). Ngày 08/12/2009 UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P cho ông Mai Quốc L và bà Trương T;

Như vậy trình tự, thủ tục, nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đúng theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 3, Điều 14, Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007.

Do đó, việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của UBND huyện N và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P mà UBND huyện N đã cấp cho ông Mai Quốc L và bà Trương T là có căn cứ, đúng pháp luật, trình tự, thủ tục.

Với những tài liệu chứng cứ đã nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu Hủy Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 25/07/2008 của UBND huyện N và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P mà UBND huyện N đã cấp cho ông Mai Quốc L và bà Trương T là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông Mai Văn L yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P, huyện Nhơn Trạch do yêu cầu khởi kiện của ông L không được chấp nhận nên không có cơ sở để chấp nhận đối với yêu cầu này.

[3] Án phí

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; áp dụng khoản 2 Điều 14 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án;

Ông Mai Văn L phải chịu 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đối với phần trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, Điều 158, khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 49, Điều 50, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 160, Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Điều 3, Điều 14, Điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; áp dụng Khoản 2, Điều 14 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn L về việc yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N cấp số AP361054 ngày 08/12/2009 đối với diện tích 969m² thuộc thửa đất 208, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cho ông Mai Quốc L và bà Trương Th và Hủy Quyết định 2575/QĐ-UBND ngày 25/7/2008 của Chủ tịch UBND huyện N và Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 969m² thửa đất số 208 tờ bản đồ số 11 ấp B, xã P, huyện N.

Về án phí: Ông Mai Văn L phải chịu 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 009326 ngày 06/02/2015 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Ông L đã nộp xong.

Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng UBND huyện Nh, bà Trương T, bà Mai Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Mai Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh

-Đương sự

-THA DS

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**